

Số: /2024/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số .../TTr-SNV ngày ...
tháng ... năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua,
khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm
2024 và thay thế Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen
thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ;
Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành,
đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.NC;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Tuệ Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chung về công tác khen thưởng; tổ chức thi đua, danh hiệu và đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền quyết định, trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hiệp y khen thưởng; những trường hợp không xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; cơ cấu xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cá nhân người Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ (tổ, đội, phân xưởng sản xuất của các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác; phòng, khoa thuộc Trung tâm y tế cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh; tiểu đội thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đội thuộc công an cấp tỉnh, cấp huyện).

2. Cá nhân người lao động trực tiếp là người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bao gồm: công nhân, nông dân, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động.

3. Khen thưởng thành tích từ thiện, nhân đạo là khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác xã hội.

4. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được hiểu là: các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.

Điều 4. Quy định chung về công tác khen thưởng

1. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được xét khen thưởng ở mức cao hơn.

2. Khi khen thưởng hoặc xét trình cấp trên khen thưởng công trạng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Không xét khen thưởng cho người đứng đầu đơn vị nếu trong năm đơn vị được giao quản lý bị cấp có thẩm quyền phê bình bằng văn bản hoặc để xảy ra vụ việc tiêu cực, tham nhũng, sai phạm hoặc có dấu hiệu sai phạm đang chờ các cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc có cá nhân trong đơn vị bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (Trừ trường hợp người đứng đầu mới chuyển đến không liên quan đến mức xếp loại của tổ chức, cơ quan, đơn vị mới).

3. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

4. Chỉ lấy kết quả khen thưởng công trạng (tổng kết công tác năm) của cơ quan, đơn vị, địa phương làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tổng kết công tác năm. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh về biên chế, quỹ lương khi được bộ, ngành trung ương khen thưởng tổng kết ngành, lĩnh vực thì hình thức khen thưởng này không phải khen thưởng theo công trạng.

5. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều

tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc có sai phạm bị báo chí phản ánh đang được xác minh làm rõ.

6. Không khen thưởng khi tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định; đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; công tác tổ chức, phục vụ, tuyên truyền, bảo vệ (đại hội, lễ hội, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hội thao, hội diễn, hội thi).

7. Chỉ khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên đề đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của tỉnh hoặc tổng kết phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động từ 03 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động phong trào thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và được giao chỉ tiêu khen thưởng).

8. Chú trọng khen thưởng phong trào thi đua, khen thưởng việc thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

9. Trong một năm, tập thể, cá nhân tham gia nhiều phong trào thi đua hoặc thực hiện nhiều nhiệm vụ theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thì cũng chỉ được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh một lần, trường hợp đặc biệt giao Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nhưng không quá 02 lần/năm (không áp dụng đối với tập thể, cá nhân và hộ gia đình có nhiều đóng góp trong công tác từ thiện, nhân đạo hoặc đóng góp công sức, đất đai, tài sản cho xã hội).

10. Trong một năm, mỗi tập thể, cá nhân được xét đề nghị khen thưởng công trạng một lần đối với một trong các hình thức: Giấy khen, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương. Các tập thể, cá nhân trong năm được khen thưởng cấp Nhà nước (khen thưởng công trạng) thì năm đó (năm tính thành tích) và năm liền kề không trình khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

11. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân là cơ sở để xét khen thưởng.

12. Đối với các chuyên án của Công an tỉnh, chỉ thực hiện việc khen thưởng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” trong trường hợp tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

13. Khi xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh và cấp nhà nước (từ Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh trở lên), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh phải họp và bỏ phiếu kín. Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, tỷ lệ phiếu đồng ý phải đạt từ 90% trở lên” tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Các trường hợp được đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng còn lại phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, biên bản xét khen thưởng).

Đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện và tương đương không thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thì tỷ lệ tính trên tổng số thành viên dự họp.

14. Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

15. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trước khi trình cấp trên khen thưởng.

16. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến Nhân dân trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với những trường hợp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ trường hợp khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất và trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản): Trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với các trường hợp đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN

DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua và tổ chức thực hiện các hình thức thi đua.

1. Hình thức tổ chức thi đua được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 (sau đây gọi tắt là Luật thi đua, khen thưởng) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Tổ chức thực hiện các hình thức thi đua

a) Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên mang tính toàn diện, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong năm của đơn vị thành viên thuộc các cụm thi đua, khối thi đua trên địa bàn tỉnh. Ngay từ đầu năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, xây dựng nội dung chỉ tiêu, tiêu chí thi đua và tổ chức ký kết, giao ước thi đua cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện; đồng thời, tổ chức sơ kết 06 tháng đầu năm và tổng kết năm.

b) Thi đua theo chuyên đề: Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp. Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề trong toàn ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua, nội dung, tiêu chí khen thưởng về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để phối hợp, theo dõi và hướng dẫn xét khen thưởng theo đúng quy định.

c) Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp đặc biệt, tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm phát động các phong trào thi đua, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi mình quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được giao; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, tạo điều kiện cho cá nhân được khen thưởng giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến, cách làm hay, hiệu quả.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia các

phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Trách nhiệm của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh):

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; thẩm định thành tích; tham mưu Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

c) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến; hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động Cụm, Khối thi đua và giám sát việc tổ chức thực hiện các phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

d) Thực hiện công tác kiểm tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bộ phận, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Tổ chức Cụm, Khối thi đua

Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình, đặc điểm cụ thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các Cụm, Khối thi

đua và xây dựng quy định hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua theo quy định.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét hàng năm vào dịp tổng kết năm (hoặc năm học đối với ngành Giáo dục và Đào tạo) cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vào dịp tổng kết năm (hoặc năm học đối với ngành Giáo dục và Đào tạo) đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành tốt nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị.
- b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đóng góp tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.
- c) Tích cực học tập chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh; có tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ đồng nghiệp, tích cực tham gia phong trào thi đua.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hàng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có đạo đức, lối sống lành mạnh; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.
- b) Gương mẫu, tiên phong trong các phong trào thi đua và các cuộc vận động của các cấp Hội, của Đảng, Nhà nước, đơn vị và địa phương và được bình xét suy tôn.

Ngoài 02 tiêu chuẩn trên:

- Đối với công nhân: tích cực giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề; chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất; có ý thức

tổ chức kỷ luật; trong sản xuất có sáng tạo có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

- Đối với nông dân: có mô hình sản xuất hiệu quả, tích cực giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động; tích cực đóng góp trong công tác từ thiện, an sinh xã hội trên địa bàn.

- Người lao động: Gương mẫu chấp hành tốt các hương ước, quy ước nơi cư trú; áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong lao động, sản xuất; có cách làm mang lại hiệu quả cao trong lao động, sản xuất được cộng đồng suy tôn, công nhận.

Điều 12. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” để tặng cho các tập thể là cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tham gia Cụm, Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hàng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của các Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Được cấp có thẩm quyền xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

c) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác học tập.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc, tiêu biểu dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động; ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện phong trào thi đua đó; có tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào và khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện phong trào đó theo thẩm quyền; thực hiện tốt công tác xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng, tuyên truyền điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

c) Hoàn thành 100% trở lên các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ đã đăng ký hoặc được giao trong Phong trào.

d) Được Ban Chỉ đạo hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì phong trào bình xét, đề nghị khen thưởng.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Đối với sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh gồm:

- Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh.

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh.

b) Đối với cấp huyện gồm:

- Các phòng, ban chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp huyện.

c) Đối với cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với doanh nghiệp gồm: các phòng, ban, xí nghiệp, nông trường, phân xưởng sản xuất, tổ, đội và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

c) Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh thì các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách phải ổn định, tăng trưởng và vượt kế hoạch đề ra.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Đối với sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh gồm:

- Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh.

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh.

b) Đối với cấp huyện gồm:

- Các phòng, ban chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp huyện.

c) Đối với cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với doanh nghiệp gồm: các phòng, ban, xí nghiệp, nông trường, phân xưởng sản xuất, tổ, đội và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình căn cứ vào tình hình thực tế quy định chi tiết tiêu chuẩn tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 15. Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu

Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu được tặng hàng năm cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu phong trào thi đua cấp huyện đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 29 Luật thi đua, khen thưởng.

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết trên cơ sở khung tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự thủ tục, hồ sơ tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, ấp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

Điều 16. Thôn, ấp, khu phố văn hóa

Danh hiệu thôn, ấp, khu phố văn hóa được tặng hàng năm cho thôn, ấp, khu phố trong phạm vi cấp xã đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng.

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thôn, ấp, khu phố văn hóa do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết trên cơ sở khung tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ.

Điều 17. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

Danh hiệu “Gia đình văn hóa” được tặng hàng năm cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 31 Luật thi đua, khen thưởng.

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết trên cơ sở khung tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, hộ gia đình, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 74 Luật thi đua, khen thưởng.

Một số trường hợp xét đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình, cụ thể:

1. Khen thưởng công trạng

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 74 Luật thi đua, khen thưởng.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 74 Luật thi đua, khen thưởng (bao gồm các tập thể tham gia các Cụm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh).

c) Công nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn sau:

- Có thời gian làm việc ổn định từ 02 năm trở lên tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc tỉnh.

- Có sáng kiến trong lao động sản xuất đã áp dụng mang lại nhiều lợi ích cho đơn vị, doanh nghiệp và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, được đơn vị, doanh nghiệp hoặc cấp có thẩm quyền công nhận.

d) Nông dân đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu biểu xuất sắc trong số những nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận.

- Giúp đỡ hộ nông dân khác giảm nghèo và tạo việc làm ổn định, thường xuyên cho 10 lao động trở lên.

- Tích cực tham gia công tác từ thiện, nhân đạo tại địa phương và trên địa bàn tỉnh, góp phần an sinh xã hội, ổn định cuộc sống, bảo vệ an ninh trật tự và an toàn xã hội.

2. Khen thưởng đột xuất

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất (thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm) hoặc thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước.

3. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề)

a) Đối với những phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, lựa chọn các tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen theo số lượng quy định (giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ đối tượng, phạm vi của từng phong trào thi đua để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng cụ thể trong văn bản phát động phong trào thi đua).

b) Đối với những phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động từ 03 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động phong trào thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và được giao chỉ tiêu khen thưởng), khi tiến hành tổng kết phong trào thi đua, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn những tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ đối tượng, phạm vi của phong trào thi đua để giao chỉ tiêu khen thưởng cho cơ quan, đơn vị, địa phương, số lượng không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân).

c) Tỷ lệ đề nghị khen thưởng cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên) không quá 40% tổng số cá nhân được đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

4. Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày tái lập hoặc thành lập (hoặc ngày giải phóng) các huyện, thị xã, thành phố năm tròn (có văn bản phát động phong trào thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố), số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 10 tập thể, 20 cá nhân.

5. Khen thưởng Đại hội Thi đua yêu nước của tỉnh, Hội nghị tổng kết công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh, Hội nghị tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh; kỷ niệm ngày tái lập tỉnh, các ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước năm tròn (theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo các ngày lễ lớn tỉnh) hoặc tổ chức các sự kiện quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh (do Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì), số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

6. Khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Khen thưởng sơ kết, tổng kết giai đoạn từ 03 năm trở lên, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 03 tập thể, 06 cá nhân (đối với hội nghị sơ kết) và không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân (đối với Hội nghị tổng kết).

b) Khen thưởng tổng kết việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh hàng năm không vượt quá 03 tập thể, 06 cá nhân.

c) Tỷ lệ đề nghị khen thưởng cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên) không quá 40% tổng số cá nhân được đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

7. Khen thưởng thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong từng lĩnh vực

Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong các trường hợp sau:

a) Đạt giải (hoặc huy chương) trong các kỳ thi, các giải thi đấu quốc tế.

b) Đạt giải ba trở lên (giải C hoặc huy chương đồng trở lên) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia, Giáo viên giỏi toàn quốc, Giảng viên giỏi toàn quốc, Báo cáo viên giỏi toàn quốc (không tính các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp khu vực, vùng, miền).

c) Đạt giải nhất, giải đặc biệt trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh (theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh).

d) Huấn luyện viên, Giáo viên trực tiếp bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên, học sinh đạt giải (hoặc huy chương) trong các kỳ thi, các giải thi đấu quốc tế và đạt giải ba trở lên (giải C hoặc huy chương đồng trở lên) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia.

đ) Tập thể, cá nhân là điển hình tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh hàng năm hoặc giai đoạn. Tập thể, cá nhân tiêu biểu được UBND tỉnh lựa chọn tham dự Đại hội thi đua yêu nước, hội nghị điển hình tiên tiến toàn quốc.

e) Tấm gương “người tốt, việc tốt”; tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu (có sức lan tỏa trong phạm vi toàn tỉnh), được người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phát hiện đề nghị khen thưởng.

g) Cá nhân tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ loại giỏi, xuất sắc, lập được nhiều thành tích trong công tác và trí thức tiêu biểu (có 03 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): Giao Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần.

h) Công nhân lao động giỏi, lao động sáng tạo (giao Liên đoàn Lao động tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 120 cá nhân).

i) Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi (giao Hội Nông dân tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 120 hộ gia đình).

k) Người dân tộc thiểu số tiêu biểu (giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 50 cá nhân).

l) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác vận động hiến máu tình nguyện (giao Hội Chữ thập đỏ tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 15 tập thể và 10 cá nhân/năm). Việc khen thưởng cá nhân và gia đình hiến máu tình nguyện lần thứ 20 trở lên thực hiện theo Quy chế của Ban Chỉ đạo Quốc gia vận động hiến máu tình nguyện và tình hình thực tế của tỉnh.

m) Tập thể, cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 10 tập thể, 20 cá nhân/năm và không vượt quá 20 tập thể, 30 cá nhân đối với giai đoạn 05 năm).

n) Hộ nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, người khuyết tật tiêu biểu vươn lên trong cuộc sống (giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 30 chỉ tiêu cho mỗi đối tượng).

o) Hợp tác xã tiêu biểu (gồm Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân): Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 20 tập thể.

ô) Người thực hiện tốt chính sách pháp luật về thuế (giao Cục Thuế tỉnh hàng năm chủ trì tổ chức xét chọn và đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định).

Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ các quy định của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề hướng dẫn tiêu chuẩn khen thưởng cụ thể cho từng đối tượng.

8. Khen thưởng hộ gia đình

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên trở lên (từ 200 triệu đồng trở lên đối với nơi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn).

9. Khen thưởng Cụm, Khối thi đua thực hiện theo Quy định về tổ chức chia Cụm, Khối thi đua; hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Khen thưởng đóng góp

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị ngành dọc Trung ương, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác hoặc các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh hoặc nước ngoài có nhiều đóng góp trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho các hoạt động tài trợ, ủng hộ trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh, cấp quốc gia và đóng góp hiện vật, cổ vật có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tổ chức, tập thể, cá nhân, nhà từ thiện trong và ngoài tỉnh hoặc nước ngoài có nhiều đóng góp trong công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của tỉnh hàng năm hoặc giai đoạn:

- Đối với tổ chức, tập thể:

+ Trực tiếp đóng góp từ thiện nhân đạo trên địa bàn tỉnh bằng tiền và hiện vật có giá trị tương đương từ 400 triệu đồng trở lên trong năm.

+ Vận động cá nhân, tổ chức từ thiện nhân đạo bằng tiền và hiện vật có giá trị tương đương từ 800 triệu đồng trở lên trong năm.

- Đối với cá nhân, nhà từ thiện:

+ Trực tiếp đóng góp từ thiện nhân đạo trên địa bàn tỉnh bằng tiền và hiện vật có giá trị tương đương từ 200 triệu đồng trở lên trong năm.

+ Vận động cá nhân, tổ chức từ thiện nhân đạo bằng tiền và hiện vật có giá trị tương đương từ 400 triệu đồng trở lên trong năm.

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có nhiều đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Bình Phước (áp dụng đối với các trường hợp có 05 năm liên tục trước thời điểm nghỉ hưu được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên nhưng chưa được khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước).

11. Khen thưởng đối ngoại

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

12. Các trường hợp khác, giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương để tặng cho cá nhân, tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt tiêu chuẩn sau:

a) Giấy khen để tặng cho cá nhân:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị được giao trong năm.

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh.

- Tham gia đầy đủ, nổi trội các hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại cơ quan, đơn vị.

- Có sáng kiến được áp dụng hiệu quả tại đơn vị.

- Có thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị cần tuyên dương, nêu gương kịp thời.

b) Giấy khen để tặng cho tập thể:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được giao hàng năm.
- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực tham gia các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị phát động;
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể
- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào, chuyên đề thi đua do cơ quan, đơn vị phát động.
- Lập được thành tích đột xuất có ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

2. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình, nông dân đạt tiêu chuẩn sau:

a) Giấy khen để tặng cho cá nhân:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị được giao trong năm.
- Tham gia đầy đủ, nổi trội các hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại cơ quan, đơn vị.
- Có sáng kiến được áp dụng hiệu quả tại đơn vị.
- Có thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị cần tuyên dương, nêu gương kịp thời.
- Tham gia thi và những người trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng, huấn luyện được giải thưởng (nhất, nhì, ba hoặc tương đương) trong các kỳ thi, cuộc thi, hội diễn, liên hoan... do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương tổ chức hoặc đạt giải khuyến khích trở lên tại các cuộc thi do các bộ, ngành Trung ương tổ chức mà chưa được khen thưởng.

b) Giấy khen để tặng cho tập thể:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được giao hàng năm.
- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hưởng ứng đầy đủ các phong trào thi đua do cơ quan phát động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.
- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất được công nhận có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn huyện.

- Có thành tích xuất sắc đạt giải nhất tại các kỳ thi, cuộc thi, hội diễn, liên hoan... do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức mà chưa được khen thưởng.

c) Giấy khen để tặng cho hộ gia đình:

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Dẫn đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi đối với địa phương.

- Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên trong năm.

d) Giấy khen để tặng cho nông dân:

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Dẫn đầu trong các phong trào thi đua do địa phương phát động, có sự tương trợ giúp đỡ nông dân khác.

- Trong lao động, sản xuất đạt được những kết quả vượt trội so với mặt bằng tại địa phương cần biểu dương nêu gương.

3. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình, nông dân đạt tiêu chuẩn sau:

a) Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan được giao trong năm; tham gia đầy đủ các phong trào thi đua do địa phương phát động hoặc cá nhân có sáng kiến được áp dụng hiệu quả tại đơn vị hoặc cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị cần tuyên dương, nêu gương kịp thời.

b) Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được giao hàng năm; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hưởng ứng đầy đủ các phong trào thi đua do cơ quan phát động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm.

c) Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do địa phương phát động, có phạm vi ảnh hưởng đối với địa phương hoặc có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên trong năm.

d) Nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do địa phương phát động, có sự tương trợ giúp đỡ nông dân khác; trong lao động, sản

xuất đạt được những kết quả vượt trội so với mặt bằng tại địa phương cần biểu dương nêu gương.

4. Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã tặng cho cán bộ, công nhân, nhân viên và tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt tiêu chuẩn sau:

a) Cán bộ, công nhân, nhân viên:

- Hoàn thành tốt trở lên các nhiệm vụ, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao hàng năm.

- Có sáng kiến, thành tích nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Lập được thành tích đột xuất có ảnh hưởng ở đơn vị.

b) Tập thể:

- Đoàn kết, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao hàng năm.

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào, chuyên đề thi đua do doanh nghiệp, hợp tác xã phát động, triển khai, thực hiện.

- Lập được thành tích đột xuất có ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của đơn vị.

Điều 20. Các hình thức biểu dương, khen thưởng khác

Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua nhưng không trái với quy định của Luật thi đua, khen thưởng.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT DANH HIỆU THI ĐUA,

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, CƠ CẤU XÉT

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 21. Trường hợp không xét danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể

a) Mới thành lập, thời gian hoạt động dưới 12 tháng.

b) Có vụ việc sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

c) Có sai phạm bị cơ quan có thẩm quyền xử lý bằng hình thức xử phạt hành chính trở lên;

2. Đối với cá nhân

a) Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 09 tháng; nghỉ làm việc trên 40 ngày trong một năm (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế).

b) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 22. Trường hợp không xét hình thức khen thưởng

1. Đối với tập thể

a) Có vụ việc sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

b) Có sai phạm bị cơ quan có thẩm quyền xử lý bằng hình thức xử phạt hành chính trở lên.

c) Để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước.

d) Nội bộ mất đoàn kết hoặc để xảy ra vụ việc gây ảnh hưởng xấu trong xã hội.

e) Có cá nhân trong tập thể bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Đối với cá nhân

a) Có sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

b) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 23. Cơ cấu xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng (khen thưởng tổng kết công tác năm)

1. Cơ cấu xét khen thưởng

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng.

b) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao để xét riêng như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương).
- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương.
- Cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo.
- Nhân viên lái xe, bảo vệ, phục vụ.

2. Đối tượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị, địa phương và các đơn vị thuộc và trực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên), tỷ lệ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 30% trong tổng số cá nhân được đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua

Đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 25. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến hiệp ý của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị,

người đứng đầu cơ quan đơn vị thuộc tỉnh quản lý và hiệp y các trường hợp do các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương đề nghị hiệp y đề trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

d) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến thống nhất của UBND cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác không thuộc quyền quản lý của tỉnh nhưng có thành tích đóng góp cho địa phương.

đ) Hiệp y các trường hợp do sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đề nghị bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp của tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền và trình cấp trên khen thưởng.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo (Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã) khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh cho ý kiến hiệp y về việc đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) đối với tập thể là đơn vị trực thuộc huyện, thị xã, thành phố và cá nhân là trưởng các phòng, ban, các tổ chức đoàn thể ở cấp huyện nhưng thuộc sự quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện).

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ý kiến hiệp y đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Trung ương đóng trên địa bàn thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) về nội dung chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tổ chức đảng, đoàn thể sinh hoạt tại địa phương).

6. Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình khen thưởng cấp Nhà nước trong các trường hợp:

a) Khen thưởng cho cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quản lý.

b) Các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

7. Sở Ngoại vụ hiệp y khen thưởng đối với khen thưởng đối ngoại và khen thưởng có yếu tố nước ngoài; Công an tỉnh hiệp y khen thưởng đối với khen thưởng đối ngoại (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

8. Cơ quan quản lý thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường, lao động, y tế có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho công nhân, người lao động; xác nhận đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất kinh doanh) theo đề nghị của các tổ chức kinh tế hoặc của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

9. Khi có văn bản xin ý kiến của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 6 và khoản 7 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 05 ngày làm việc, nếu không có ý kiến trả lời, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng hoặc hiệp y khen thưởng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 26. Trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 82 Luật thi đua, khen thưởng; Điều 24, Điều 25, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ).

2. Việc trao tặng được tổ chức vào dịp ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước; Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; ngày truyền thống, ngày kỷ niệm, Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối với các trường hợp khen thưởng gương “người tốt, việc tốt”; thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất (khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước), giao cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng.

3. Trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại các hội nghị do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc hội nghị do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức có lãnh đạo tỉnh tham dự, Cơ quan Thường trực Hội

đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với Ban tổ chức chức hội nghị để thực hiện việc trao thưởng.

4. Các hội nghị do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức mà không có lãnh đạo tỉnh tham dự thì đơn vị chủ động thực hiện việc trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

5. Đối với trường hợp khen thưởng đối ngoại: Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trao tặng theo đúng quy định.

Điều 27. Tuyến trình khen thưởng

Thẩm quyền đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật thi đua, khen thưởng; Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ và một số nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với khen thưởng phong trào thi đua, cấp nào tổ chức phát động thi đua thì cấp đó khen thưởng theo quy định. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn thì mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng Bằng khen theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy định này.

2. Đối với các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì do bộ, ngành Trung ương khen thưởng tổng kết công tác năm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen thưởng theo Điều 9 và Điều 19 Quy định này.

3. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng.

4. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Công an xã, phường, thị trấn, bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

5. Đối với các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân thuộc khu vực doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp, tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp FDI); doanh nghiệp cổ phần thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

6. Các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương, các trường đại học, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế nếu có đóng góp lớn cho tỉnh (kể cả là người nước ngoài) thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

7. Đối với các tổ chức kinh tế có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thì khi trình khen thưởng cấp tỉnh (khen thưởng công trạng) và khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải gửi kèm văn bản của cơ quan quản lý thuế, quản lý bảo hiểm xã hội có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho công nhân, người lao động; cơ quan quản lý môi trường, quản lý lao động và y tế có thẩm quyền xác nhận đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất kinh doanh).

Điều 28. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 7, khoản 11 Điều 18 Quy định này (giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ban hành hướng dẫn cụ thể).

3. Khi trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng thì các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word/ file excel và file pdf) của hồ sơ đến Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh qua “Phần mềm tác nghiệp và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ công tác thi đua, khen thưởng tỉnh Bình Phước” (<http://khenthuong.binhphuoc.gov.vn/>), trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

Điều 29. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với khen thưởng công trạng (khen thưởng tổng kết công tác năm): Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

b) Đối với khen thưởng tổng kết Cụm, Khối thi đua: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) trước ngày 28 tháng 02 hàng năm. Đối với tổng kết Cụm, Khối thi đua của ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

c) Đối với khen thưởng phong trào thi đua (chuyên đề); khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc.

d) Đối với các trường hợp khen thưởng theo khoản 2, khoản 7, khoản 11 Điều 18 Quy định này: Hồ sơ gửi trực tiếp về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo các đợt sau đây:

a) Đợt 1: Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 15 tháng 3 hàng năm. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 31 tháng 8 hàng năm

b) Đợt 2: Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

Điều 30. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân hoặc xác nhận khen thưởng khi tổ chức, cá nhân đề nghị.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 31. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương)

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật thi đua, khen thưởng và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Căn cứ tình hình thực tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định số lượng thành viên Hội đồng. Trong đó, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo phòng, ban, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn; các thành viên khác gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể; đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương “người tốt, việc tốt” và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố; phòng Tổ chức - Cán bộ hoặc phòng Tổ chức - Hành chính hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã, Văn phòng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể cấp tỉnh là bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 32. Hội đồng Sáng kiến các cấp

Việc thành lập Hội đồng sáng kiến, xét sáng kiến, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ và Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Chương VII

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 33. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích

theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Điều 34. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua, hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và chi tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới.

2. Việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ và một số quy định cụ thể sau:

a) Tiền thưởng kèm theo các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với khen thưởng công trạng (tổng kết công tác năm) được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (riêng doanh nghiệp của tỉnh, trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị để chi thưởng).

b) Tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp khen thưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 8 Điều 18 Quy định này được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (trừ các trường hợp khen thưởng quy định tại điểm a, b, c, d khoản 7 Điều 18 và khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc doanh nghiệp trong việc thực hiện tốt chính sách pháp luật về thuế).

c) Đối với các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị ngành dọc Trung ương, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp hoặc các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh hoặc nước ngoài có nhiều đóng góp trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh; các tổ chức từ thiện, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh có nhiều đóng góp trong công tác xã hội của tỉnh hoặc các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho các hoạt động tài trợ, ủng hộ trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh và cấp quốc gia; đóng góp hiện vật, cổ vật theo quy định tại điểm a,b,c khoản 10 Điều 18 Quy định này thì không thực hiện việc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Chương VIII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 35. Đối với các nội dung khác có liên quan mà không có trong Quy định này thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương quy định về công tác thi đua, khen thưởng để thực hiện.

Điều 36. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Điều 37. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**